

NGHỊ QUYẾT

**Về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách xã
và phân bổ ngân sách xã năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KIẾN THỤY KHÓA I
NHIỆM KỲ 2021-2026, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 391/NQ-HĐND ngày 13/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện Kiến Thụy về việc giao dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2025 huyện Kiến Thụy;

Căn cứ Quyết định số 5869/QĐ-UBND ngày 19/12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Kiến Thụy về việc giao dự toán thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2025 huyện Kiến Thụy;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thi, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2025 thành phố Hải Phòng sau sắp xếp;

Xét Tờ trình số 09/TTr-UBND ngày 24 tháng 07 năm 2025 của UBND xã về việc phê chuẩn Nghị quyết thu, chi ngân sách và phân bổ dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025; Báo cáo thẩm tra số 11/BC-BKTNS của Ban Kinh tế - Ngân sách, Hội đồng nhân dân xã và các ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu chi ngân sách xã và phân bổ ngân sách xã năm 2025 với các nội dung sau:

1. Dự toán thu ngân sách.

1.1. Tổng thu ngân sách nhà nước: 330.640 triệu đồng. Trong đó:

- Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn: 6.864 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 323.776 triệu đồng.

1.2. Tổng thu ngân sách xã: 326.855 triệu đồng. Trong đó:

- Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp: 3.079 triệu đồng.
- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 323.776 triệu đồng.

1.3. Thu từ hoạt động xổ số: 740 triệu đồng.

2. Dự toán chi ngân sách.

2.1. Tổng chi ngân sách xã: 326.855 triệu đồng. Trong đó:

- Chi thường xuyên: 320.446 triệu đồng.
- Chi dự phòng ngân sách: 6.409 triệu đồng.

(Chi tiết theo các biểu mẫu kèm theo)

Điều 2. Giao UBND xã tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; triển khai các biện pháp thực hiện quản lý và điều hành dự toán ngân sách xã năm 2025:

1. Thực hiện các biện pháp để quản lý thu ngân sách, đảm bảo thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản theo quy định của Pháp luật, tổ chức quản lý khai thác tốt các nguồn thu, quản lý tốt các khoản thu có điều kiện tăng thu, phân đầu thu hoàn thành các sắc thuế theo dự toán UBND thành phố giao.

2. Tăng cường biện pháp chống thất thu. Phân đầu thu ngân sách, tiết kiệm 10% chi thường xuyên để bố trí chi cải cách tiền lương. Rà soát nguồn cải cách tiền lương năm 2024 chuyển sang năm 2025 để cải cách tiền lương theo quy định.

3. Đánh giá đầy đủ các yếu tố biến động đến tăng giảm nguồn thu, điều chỉnh kịp thời các khoản thu để dự toán sát với thực tế, có giải pháp quyết liệt phân đầu tăng thu ngân sách so với dự toán UBND thành phố giao.

4. Thực hiện luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi ngân sách, đảm bảo công khai các khoản chi, chi đúng nguồn, đúng việc. Trong trường hợp hụt thu thì thực hiện cắt giảm các khoản chi tương ứng, ưu tiên kinh phí để chi trả lương, chế độ chính sách, chế độ an sinh xã hội, không để xảy ra nợ chế độ chính sách cho con người.

5. Rà soát, quản lý chặt chẽ các khoản chi, đảm bảo trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo chế độ chính sách, kỷ luật tài chính.

6. Thực hiện các khoản chi theo đúng dự toán được giao, ưu tiên các nhiệm vụ chính trị quan trọng căn cứ vào số thu để đảm bảo thực hiện chi phù hợp.

7. Chấp hành nghiêm quy định công khai, minh bạch về ngân sách, quy chế tự kiểm tra tài chính, kế toán trong việc sử dụng ngân sách năm 2025.

Điều 3. Giao Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và các đại biểu HĐND xã theo chức năng, nhiệm vụ giám sát thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kiến Thụy khoá I, kỳ họp thứ hai nhiệm kỳ 2021-2026 thông qua ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND TP (báo cáo);
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã;
- UB MTTQ VN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Các đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan, ban, ngành xã;
- VP ĐU, VP HĐND và UBND xã;
- Lưu: VT, HSKH.



CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THUY

NQ-01

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kiến Thuy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	330.640	326.855
I	Thu nội địa	6.864	3.079
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	2.350	470
5	Thuế thu nhập cá nhân	1.165	
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	1.260	1.260
8	Thu phí, lệ phí	199	199
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	905	905
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)	740	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	80	80
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	165	165
II	Thu viện trợ		
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	323.776	323.776
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	315.324	315.324
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên	8.452	8.452

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY**

NQ-02

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	I
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	333.907
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	333.907
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO LĨNH VỰC	
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	327.498
II	Chi thường xuyên	
	Trong đó:	129.235
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	5.301
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	36.062
4	Chi văn hóa thông tin	4.904
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	1.558
6	Chi thể dục thể thao	1.072
7	Chi bảo vệ môi trường	4.383
8	Chi các hoạt động kinh tế	15.461
9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	36.614
10	Chi bảo đảm xã hội	91.277
11	Chi khác	1.632
III	Dự phòng ngân sách	6.409
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	Chi viện trợ	
C	Chi từ nguồn bổ sung mục tiêu	



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THUY**

NQ-03

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ KIẾN THUY NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	I
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	326.855
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	3.079
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	2.609
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	470
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	323.776
-	Thu bổ sung cân đối	315.324
-	Thu bổ sung có mục tiêu	8.452
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	326.855
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	326.855
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	320.446
3	Dự phòng ngân sách	6.409
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi viện trợ	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ KIẾN THỤY

NQ-04

TỔNG HỢP THU HỌC PHÍ KHỐI GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ NĂM 2025
(Kèm theo Nghị Quyết số 11/NQ-HĐND, ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kiến Thụy)

Đơn vị tính: nghìn đồng

T T	Đơn vị	Mẫu giáo công lập				Nhà trẻ công lập				Thành tiền khối MN	THCS					Tổng số thu học phí	Ghi chú
		Số học sinh		Mức thu		Số học sinh		Mức thu			Số học sinh		Mức thu		Thành tiền		
		Tổng số học sinh	T.đó: MN,HD	Xã thường	Xã MN, HD	Tổng số học sinh	T.đó: MN, HD	Xã thường	Xã MN, HD		Tổng số	T.đó: MN, HD	Xã thường	Xã MN, HD			
A	B	1	1a	2	3	4	4a	5	6	7	8	8a	9	10	$11=((8-8a)*9+(8a*10)) * 91$	$12=7+11$	C
I	Khối Mầm non	1 438	0		0	340	0		0	1 381 590	0	0	0	0	0	1 381 590	
1	Trường MN Thuận Thiên	369		85,000		90		92,000		356 805					0	356 805	
2	Trường MN Hữu Bằng	382		85,000		75		92,000		354 330					0	354 330	
3	Trường MN Thụy Hương	255		85,000		50		92,000		236 475					0	236 475	
4	Trường MN Thanh Sơn	232		85,000		50		92,000		218 880					0	218 880	
5	Trường MN Liên Cơ	200		85,000		75		92,000		215 100					0	215 100	
II	Khối TH và THCS										899				501 642	501 642	
2	Trường TH&THCS Thanh Sơn									0	457		62,000		255 006	255 006	
3	Trường TH&THCS Thụy Hương									0	442		62,000		246 636	246 636	
III	Khối THCS										2 112				1 178 496	1 178 496	
1	Trường THCS Hữu Bằng									0	756		62,000		421 848	421 848	
2	Trường THCS thị trấn Núi Đồi									0	655		62,000		365 490	365 490	
3	Trường THCS Thuận Thiên									0	701		62,000		391 158	391 158	
	CỘNG	1 438	0			340	0			1 381 590	3 011	0		0	1 680 138	3 061 728	0



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ-HĐND ngày 28 tháng 7 năm 2025 của HĐND xã Kiến Thụy)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ																
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ		CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI KHÁC	CHI DỰ PHÒNG	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	SỐ SAU KHI TRỪ TIẾT KIỆM
												CHI GIAO THÔNG	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN						
A	B	1	2	3		4	5	6	7	8	9 = 10 + 11	10	11	12	13	14	15	16	17
	TỔNG SỐ	327.498,01	129.234,80	-	5.300,67	36.062,00	4.903,80	1.558,00	1.072,00	4.383,20	15.460,60	15.460,60	-	36.614,10	91.277,00	1.631,84	6.409	7.052	320.446
I	Chi đầu tư																		
II	Chi thường xuyên	327.498,01	129.234,80	-	5.300,67	36.062,00	4.903,80	1.558,0	1.072,0	4.383,2	15.460,6	15.460,6	-	36.614,10	91.277,00	1.631,84	6.409	7.052	320.446
1	Văn phòng Đảng ủy xã	3.171,53												3.171,53					
3	Văn phòng HĐND và UBND xã	5.248,51			1.481,32									3.389,19	378				
4	Hội đồng nhân dân	1.244,60												1.244,60					
5	Phòng Kinh tế	3.328,59								1.500	700	700		1.128,59					
6	Phòng Văn hóa xã hội	14.466,72												854,32	13.612,40				
2	TT chính trị	445,42												445,42					
7	TT hành chính công	721,20												721,20					
8	Sự nghiệp công	646,52							12,85					633,67					
9	MTTQ	1.052,57												1.052,57					
III	Các trường	106.346,31	106.346,31																
A	Mầm non	30.891,31	30.891,31																
1	Trường mầm non Thanh Sơn	5.959,00	5.959,00																
2	Trường Mầm non Thuận Thiên	7.261,31	7.261,31																
3	Trường mầm non Hữu Bằng	7.211,00	7.211,00																
4	Trường mầm non Thụy Hương	5.561,00	5.561,00																
5	Trường mầm non Liên cơ	4.899,00	4.899,00																
B	Tiểu học	39.135,00	39.135,00																
1	Trường Tiểu học Thuận Thiên	10.167,00	10.167,00																
2	Trường Tiểu học Hữu Bằng	9.760,00	9.760,00																
3	Trường TH TT núi Đồi	8.098,00	8.098,00																
4	Trường TH&THCS Thanh Sơn	5.860,00	5.860,00																
5	Trường TH&THCS Thụy Hương	5.250,00	5.250,00																
C	Trung học cơ sở	36.320,00	36.320,00																
1	Trường THCS Hữu Bằng	7.817,00	7.817,00																
2	Trường TH&THCS Thanh Sơn	6.930,00	6.930,00																
3	Trường THCS Thuận Thiên	7.451,00	7.451,00																
4	Trường THCS thị trấn Núi Đồi	7.693,00	7.693,00																
5	Trường TH&THCS Thụy Hương	6.429,00	6.429,00																
IV	Các nhiệm vụ chi khác	190.826,04	22.888,49		3.819,35	36.062,00	4.903,80	1.558,00	1.059,16	2.883,20	14.760,60	14.760,60		23.973,00	77.286,60	1.631,84	6.409,00	7.052,00	320.446,00

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

12